

GIỚI THIỆU
NỘI DUNG CỦA LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

Ngày 24/4/2026, Quốc hội đã thông qua Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2026. Luật số 01/2026/QH16 được ban hành có những nội dung cơ bản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Trong những năm qua, Đảng đã ban hành nhiều chủ trương, định hướng quan trọng liên quan đến việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và XIV của Đảng nhấn mạnh yêu cầu xây dựng cơ chế, chính sách để thực hiện hiệu quả phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân...; xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, được thực hiện nghiêm minh; bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới yêu cầu tiếp tục thể chế hóa đầy đủ các quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền công dân; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ các quyền này.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đặt ra yêu cầu hoàn thành việc xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; khai thác hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số; phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và công dân số. Đây là những định

hướng quan trọng đòi hỏi pháp luật về tiếp cận thông tin phải được hoàn thiện theo hướng tăng cường cung cấp thông tin trên môi trường số và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân tiếp cận, khai thác thông tin.

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân cũng yêu cầu công khai, minh bạch và chủ động cung cấp thông tin cho doanh nghiệp; hoàn thiện hệ thống pháp luật, xóa bỏ các rào cản tiếp cận thị trường bảo đảm môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp. Đồng thời, Chỉ thị số 53-CT/TW ngày 26/10/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động công vụ đã xác định yêu cầu *“Hoàn thiện pháp luật về tư pháp, khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân, đất đai, quy hoạch, môi trường, đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng tài sản công, tài chính công, **bảo đảm quyền tiếp cận thông tin**...; trách nhiệm giải trình của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động công vụ”*. Việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân góp phần quan trọng vào công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước. Ngoài ra, việc xây dựng Luật Tiếp cận thông tin cũng nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

- Về cơ sở hiến định, quyền tiếp cận thông tin của công dân được quy định tại Điều 25 Hiến pháp năm 2013. Trên cơ sở đó, ngày 06/4/2016, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018).

Tuy nhiên, trong thời gian qua, hệ thống pháp luật và tổ chức bộ máy nhà nước đã có nhiều thay đổi quan trọng, đặt ra yêu cầu phải sửa đổi, hoàn thiện Luật Tiếp cận thông tin. Ngày 16/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 203/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Theo đó, các quy

định của Luật Tiếp cận thông tin về trách nhiệm cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước cần được rà soát, sửa đổi để phù hợp với mô hình tổ chức mới, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền. Bên cạnh đó, nhiều luật mới được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung có liên quan trực tiếp đến việc tiếp cận thông tin, quản lý, chia sẻ và khai thác dữ liệu, đặt ra yêu cầu sửa đổi để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, đẩy mạnh chuyển đổi số.

2. Cơ sở thực tiễn

Sau gần 08 năm thi hành, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Việc công khai thông tin được các bộ, ngành, địa phương quan tâm thực hiện; công tác cung cấp thông tin theo yêu cầu từng bước đi vào nề nếp, đáp ứng cơ bản nhu cầu thông tin của người dân, doanh nghiệp.

Tuy nhiên, qua tổng kết cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thi hành Luật còn gặp một số hạn chế, khó khăn. Một số quy định về phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin không còn phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy; việc xác định phạm vi thông tin được tiếp cận, không được tiếp cận hoặc được tiếp cận có điều kiện còn có cách hiểu và áp dụng chưa thống nhất. Công tác công khai thông tin ở một số nơi chưa đầy đủ, việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong cung cấp thông tin còn hạn chế; trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu vẫn còn phức tạp. Bên cạnh đó, các điều kiện bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin, nhất là tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, trong bối cảnh chuyển đổi số, pháp luật về tiếp cận thông tin của nhiều quốc gia đang được hoàn thiện theo hướng mở rộng khả năng tiếp cận thông tin trên môi trường số, tăng cường trách nhiệm chủ động công khai thông tin của cơ quan nhà nước, đồng thời bảo đảm hài hòa giữa quyền

tiếp cận thông tin với yêu cầu bảo vệ quyền riêng tư, dữ liệu cá nhân và an ninh mạng.

Từ những cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc thay thế Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 là cần thiết nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng và quy định của Hiến pháp về quyền tiếp cận thông tin của công dân; khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn thi hành; tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình của cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh chuyển đổi số trong cung cấp thông tin và bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG

1. Mục tiêu

Việc ban hành Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi) thay thế Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 nhằm: (1) Giải quyết các hạn chế, khó khăn, vướng mắc có nguyên nhân từ quy định của Luật đã được các cơ quan, bộ, ngành, địa phương phản ánh trong quá trình sơ kết, tổng kết việc thi hành Luật; (2) Sửa đổi, bổ sung toàn diện các quy định của Luật nhằm bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận thông tin của công dân, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay và yêu cầu thực tiễn trong tình hình mới, trong đó có việc mở rộng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin, mở rộng phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, đa dạng các hình thức cung cấp thông tin, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin nhanh chóng, thuận lợi, tiết kiệm thời gian, chi phí.

2. Quan điểm xây dựng Luật

Thứ nhất, tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân; tăng cường trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, góp phần phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí;

Thứ hai, đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin ngày càng cao của công dân; đa dạng hóa hình thức cung cấp thông tin gắn với bối cảnh đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số, công dân số và mô hình tổ chức của các cơ quan sau sắp xếp;

Thứ ba, bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; tính thống nhất, đồng bộ với các luật, nghị quyết có liên quan, nhất là các luật, nghị quyết mới được Quốc hội ban hành trong thời gian qua; đồng thời, đáp ứng yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng luật và kỹ thuật lập pháp hiện nay;

Thứ tư, bảo đảm tính khả thi của Luật trong điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam; nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc các kinh nghiệm phù hợp của pháp luật nước ngoài trong quá trình xây dựng dự án Luật.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT

Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 gồm 04 chương, 31 điều, giảm 01 chương và 06 điều so với Luật Tiếp cận thông tin năm 2016. Theo tinh thần đổi mới tư duy lập pháp theo Nghị quyết số 66-NQ/TW, Luật tập trung quy định những vấn đề mang tính nguyên tắc, có tính ổn định lâu dài, các nội dung cơ bản liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của công dân và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin; không quy định chi tiết trình tự, thủ tục cung cấp thông tin, bảo đảm tính linh hoạt, khả thi và phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong từng giai đoạn.

Bố cục của Luật bao gồm: Những quy định chung (Chương I); Quyền, nghĩa vụ của công dân, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin (Chương II); Công khai thông tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu (Chương III); Điều khoản thi hành (Chương IV).

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, nguyên tắc, trình tự, thủ tục thực hiện quyền tiếp cận thông tin, trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng

dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

Một trong những điểm mới quan trọng của Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 là mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu. Theo đó, bên cạnh các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cũng có trách nhiệm công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân theo quy định của Luật. Việc mở rộng phạm vi điều chỉnh xuất phát từ vị trí, vai trò đặc thù của các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc cung cấp các dịch vụ thiết yếu phục vụ nhu cầu cơ bản của người dân. Theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập và ngân sách nhà nước, đây là các dịch vụ do Nhà nước bảo đảm cung cấp, gắn trực tiếp với việc thực hiện các quyền cơ bản của người dân. Đồng thời, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 xác định Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, nâng cao khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ cho mọi tầng lớp nhân dân. Việc Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 mở rộng đến đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân đối với các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân.

Luật không mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với các tổ chức khác có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc tài sản nhà nước như các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoặc doanh nghiệp nhà nước. Việc công khai, minh bạch thông tin của các chủ thể này đã được điều chỉnh bởi các quy định pháp luật chuyên ngành tương ứng. Cách tiếp cận này cũng phù hợp với xu hướng chung của nhiều quốc gia, theo đó nghĩa vụ cung cấp thông tin chủ yếu được đặt ra đối với các cơ quan nhà nước và các tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công.

2. Về những quy định chung

- *Về giải thích từ ngữ:* Trong Luật này, “*thông tin*” được hiểu là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan, đơn vị tạo ra hoặc nắm giữ. So với Luật năm 2016, Luật đã bổ sung, làm rõ các khái niệm “*thông tin do cơ quan, đơn vị tạo ra*” và “*thông tin do cơ quan, đơn vị nắm giữ*”. Cụ thể: *Thông tin do cơ quan, đơn vị tạo ra* là thông tin được tạo ra trong quá trình cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan, đơn vị đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản; *Thông tin do cơ quan, đơn vị nắm giữ* là thông tin do cơ quan, đơn vị nhận được trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Việc phân biệt 02 khái niệm này làm cơ sở để xác định phạm vi thông tin mà cơ quan, đơn vị phải công khai, cung cấp theo yêu cầu cho công dân. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra (trừ trường hợp quy định tại Điều 15 của Luật về thông tin công dân không được tiếp cận; đối với thông tin quy định tại Điều 16 Luật này thì cung cấp thông tin khi có đủ điều kiện theo quy định). Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị cũng có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình nắm giữ trong trường hợp việc cung cấp thông tin là cần thiết để bảo vệ lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng (khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 17, khoản 4 Điều 23 của Luật).

- *Về nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin:* Luật kế thừa và bổ sung các nguyên tắc cơ bản của Luật năm 2016¹. Bên cạnh đối tượng là người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì Luật năm 2026 bổ sung đối tượng là người dân tộc thiểu số được Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Bên cạnh đó, Luật bổ sung nguyên tắc *đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tăng cường cung cấp thông tin trên môi trường số*.

¹ Như: mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin; thông tin được cung cấp phải chính xác, đầy đủ; việc cung cấp thông tin phải kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật...

- *Về các hành vi bị nghiêm cấm:* Luật kế thừa các quy định của Luật năm 2016, đồng thời bổ sung một số hành vi bị nghiêm cấm nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số, như nghiêm cấm phát tán, mua bán trái pháp luật hoặc cố ý làm lộ thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, dữ liệu cá nhân, bí mật gia đình; lợi dụng việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc gây cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức.

- *Về áp dụng pháp luật:* Luật tiếp tục khẳng định Luật này áp dụng chung cho việc tiếp cận thông tin của công dân. Trường hợp luật khác có quy định về việc tiếp cận thông tin mà không trái với nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin (tại Điều 3 của Luật này) thì thực hiện theo quy định của luật đó.

3. Về người thực hiện quyền tiếp cận thông tin, trách nhiệm cung cấp thông tin và các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin

- *Về người thực hiện quyền tiếp cận thông tin:* Luật tiếp tục khẳng định công dân là chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo quy định của Luật. Đồng thời, để bảo đảm tính thống nhất với Bộ luật Dân sự và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của các nhóm đối tượng đặc thù, Luật bổ sung quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin đối với người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và người dưới 18 tuổi.

- *Về quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin:* Điều 8 của Luật quy định công dân có các quyền: được cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, minh bạch, thuận lợi; khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin. Đồng thời quy định công dân có các nghĩa vụ: tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin; không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp; không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin bằng các phương thức sau: (1) tự do tiếp cận thông tin được cơ quan, đơn vị công khai; (2) yêu cầu cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin.

- *Về phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin:* Điều 10 của Luật quy định cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra, trừ trường hợp quy định tại Điều 15 của Luật này; đối với trường hợp quy định tại Điều 16 của Luật này thì cung cấp thông tin khi có đủ điều kiện theo quy định. Bên cạnh đó, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình nắm giữ trong trường hợp việc cung cấp thông tin là cần thiết để bảo vệ lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng.

Luật quy định cơ quan, đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin, trừ các trường hợp sau đây:

+ Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm cung cấp thông tin do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

+ Văn phòng Chủ tịch nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chủ tịch nước tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

+ Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

+ Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin do Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

+ Đơn vị đầu mối do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định có trách nhiệm cung cấp thông tin do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

+ Đơn vị đầu mối do Ủy ban nhân dân cấp xã xác định có trách nhiệm cung cấp cho công dân cư trú trên địa bàn thông tin do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác của cấp mình tạo ra và thông tin do mình tạo ra; cung cấp cho công dân khác thông tin này trong trường hợp liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ;

+ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định đầu mối thực hiện cung cấp thông tin trong hệ thống tổ chức của mình.

So với Luật năm 2016, Luật năm 2026 điều chỉnh phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin của UBND cấp xã. Theo đó, UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra, không cung cấp thông tin do mình nhận được từ cơ quan khác (trừ một số trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 17 và khoản 4 Điều 23 của Luật) nhằm bảo đảm tính hợp lý, khả thi trong bối cảnh mở rộng chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã. Đồng thời, Luật quy định UBND cấp tỉnh, cấp xã chủ động xác định đầu mối cung cấp thông tin (điểm đ và điểm e khoản 2 Điều 10), bảo đảm phù hợp với nguyên tắc phân quyền, phân cấp và tính linh hoạt, chủ động trong quản lý, điều hành của UBND các cấp. Quy định này cũng phù hợp với thực tiễn triển khai thi hành việc cung cấp thông tin tại chính quyền địa phương các cấp hiện nay.

- *Về tiếp cận một phần hồ sơ, tài liệu:* Luật bổ sung quy định đối với hồ sơ, tài liệu có chứa cả thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận và *các phần thông tin có thể được phân tách hợp lý, các cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định cung cấp một phần hồ sơ, tài liệu chứa thông tin công dân được tiếp cận (khoản 4 Điều 10)*. Quy định này góp phần bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân đối với những thông tin mà pháp luật cho phép tiếp cận (thay vì từ chối toàn bộ hồ sơ, tài liệu), đồng thời vẫn bảo đảm yêu cầu bảo vệ các thông tin thuộc diện không được tiếp cận hoặc hạn chế tiếp cận theo quy định của pháp luật.

- *Về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin:* Luật quy định khái quát trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin, như trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin; rà soát, phân loại, kiểm tra, bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp; duy trì, lưu giữ, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin... (Điều 11).

Đồng thời, Luật bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan, đơn vị tạo điều kiện và khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, áp dụng

tiền bộ khoa học, công nghệ vào việc xây dựng hệ thống thông tin công cộng; nâng cấp, đầu tư các trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan, đơn vị ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật liên quan (khoản 2 Điều 11). Quy định này có ý nghĩa thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động cung cấp thông tin, đồng thời khuyến khích huy động nguồn lực xã hội tham gia xây dựng hệ thống thông tin công cộng. Bên cạnh đó, việc đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cung cấp thông tin tại khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn góp phần tạo điều kiện để mọi công dân được tiếp cận thông tin một cách bình đẳng, thuận lợi và hiệu quả.

Để bảo đảm tính linh hoạt và phù hợp với thực tiễn, Luật giao Chính phủ quy định chi tiết các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin và trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu. Bên cạnh đó, Luật tiếp tục kế thừa quy định về *giám sát việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin và khiếu nại, tố cáo, khởi kiện*, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

4. Về phạm vi thông tin được tiếp cận

Điều 14 của Luật khẳng định công dân được tiếp cận thông tin của cơ quan, đơn vị, trừ thông tin không được tiếp cận quy định tại Điều 15 của Luật này; được tiếp cận có điều kiện đối với thông tin quy định tại Điều 16 của Luật này. So với Luật năm 2016, Luật sửa đổi các quy định về phạm vi thông tin công dân không được tiếp cận và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (Điều 15 và Điều 16) để bảo đảm cụ thể, đầy đủ, rõ ràng hơn và thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan. Việc tiếp cận thông tin thuộc dữ liệu cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Việc tiếp cận có điều kiện đối với tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Luật cũng quy định trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định việc cung cấp thông tin

liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, dữ liệu cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý (khoản 4 Điều 16).

5. Về thông tin phải được công khai

Luật sửa đổi, bổ sung các thông tin phải được công khai (Điều 17) để mở rộng các thông tin công dân được tự do tiếp cận rộng rãi, đồng thời bảo đảm đồng bộ với các luật chuyên ngành trong các lĩnh vực (như y tế, giáo dục, văn hóa, an toàn thực phẩm, môi trường, tài chính, đất đai, xây dựng...), tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận các thông tin liên quan mật thiết đến đời sống, sản xuất, kinh doanh, lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng. Đây là một trong những điểm mới quan trọng của Luật nhằm tăng cường trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc chủ động công khai thông tin, giúp người dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin mà không phải thực hiện thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong nhiều trường hợp.

6. Về hình thức, trình tự, thủ tục công khai thông tin

- *Về hình thức, trình tự, thủ tục công khai thông tin:* Luật quy định các hình thức công khai thông tin theo hướng đa dạng hóa, kết hợp linh hoạt giữa phương thức truyền thống (đăng Công báo, niêm yết...) và ứng dụng công nghệ số nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận thông tin nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm thời gian, chi phí. Trong đó, Luật bổ sung một số hình thức công khai thông tin trên nền tảng số như đăng tải trên cổng dữ liệu, các kênh thông tin, trang cộng đồng chính thức của cơ quan, đơn vị, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và nhu cầu tiếp cận thông tin ngày càng tăng của người dân trên môi trường mạng.

Trường hợp pháp luật chuyên ngành đã có quy định về hình thức công khai thông tin đối với thông tin cụ thể thì cơ quan, đơn vị áp dụng quy định đó. Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức công khai thì căn cứ điều kiện, khả năng thực tế, cơ quan, đơn vị lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật, bảo đảm công dân tiếp cận

được thông tin. Đối với người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và người sinh sống tại các địa bàn khó khăn, cơ quan, đơn vị xác định hình thức công khai thông tin phù hợp với khả năng, điều kiện tiếp cận thông tin của công dân.

Luật đồng thời quy định cơ quan, đơn vị *phải công khai trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị* *mình các thông tin phải được công khai* theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật và các thông tin khác theo quy định của pháp luật. Căn cứ điều kiện thực tế, cơ quan, đơn vị công khai các thông tin do mình tạo ra hoặc nắm giữ trên cổng dữ liệu, các kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức. Trường hợp chưa có cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, cổng dữ liệu, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm công khai thông tin trên các kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức hoặc bằng hình thức thích hợp khác.

- *Về thời điểm công khai thông tin công khai*: Luật kế thừa quy định của Luật năm 2016, theo đó, thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan; trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày tạo ra thông tin, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phải công khai thông tin.

- *Về xử lý thông tin công khai không chính xác*: Thông tin đã công khai không chính xác phải được kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính (các trường hợp cụ thể được quy định tại Điều 22 của Luật). Thông tin công khai không chính xác bằng hình thức nào thì phải được đính chính bằng hình thức đó; đồng thời công khai thông tin đã được đính chính trên cổng dữ liệu, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức của cơ quan, đơn vị đã công khai thông tin không chính xác. Quy định này nhằm bảo đảm việc xử lý nhanh chóng, kịp thời các thông tin không chính xác, tăng cường khả năng người dân được tiếp cận thông tin chính thống và chính xác của cơ quan, đơn vị trên nhiều nền tảng.

7. Về cung cấp thông tin theo yêu cầu

- *Về các trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu*: Luật tiếp tục quy định 4 nhóm thông tin được cung cấp theo yêu cầu. Cụ thể: **(i)** nhóm thông tin phải công khai nhưng chưa hoặc không thể tiếp cận, bao gồm thông tin phải được

công khai theo quy định nhưng chưa được công khai trong thời hạn, đã hết thời hạn công khai hoặc người dân không tiếp cận được vì lý do bất khả kháng; **(ii)** nhóm thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, dữ liệu cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh được cung cấp khi đáp ứng đủ điều kiện được tiếp cận theo quy định của Điều 16 của Luật; **(iii)** nhóm thông tin liên quan đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người yêu cầu cung cấp thông tin nhưng không thuộc loại thông tin quy định tại Điều 17 và khoản 2 Điều 23 của Luật; **(iv)** nhóm thông tin khác (ngoài 03 nhóm thông tin nêu trên) do cơ quan, đơn vị tạo ra hoặc nắm giữ, căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn và điều kiện thực tế của mình, cơ quan, đơn vị có thể cung cấp thông tin để bảo vệ lợi ích công cộng và sức khỏe cộng đồng.

- *Về hình thức yêu cầu và cung cấp thông tin theo yêu cầu:* Luật năm 2026 quy định người yêu cầu có thể trực tiếp hoặc thông qua người đại diện yêu cầu cung cấp thông tin bằng một trong các hình thức: tại cơ quan, đơn vị; qua dịch vụ bưu chính; qua mạng Internet, bao gồm qua thư điện tử, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, cổng dữ liệu, cổng dịch vụ công quốc gia, ứng dụng di động hoặc các nền tảng số khác do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền công bố (khoản 2 Điều 24). Bên cạnh đó, Luật bổ sung quy định người yêu cầu cung cấp thông tin tại trụ sở cơ quan, đơn vị được sử dụng điện thoại di động và các phương tiện kỹ thuật khác của cá nhân để sao, chụp, tải về văn bản, hồ sơ, tài liệu, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định khác. Quy định này phù hợp với điều kiện kỹ thuật hiện nay, giúp người dân tiết kiệm chi phí sao chụp, thời gian đi lại và tăng khả năng tiếp cận thông tin của công dân. Luật cũng quy định cơ quan, đơn vị được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin theo hình thức mà người yêu cầu đề nghị phù hợp với tính chất của thông tin được yêu cầu cung cấp, điều kiện và khả năng của cơ quan, đơn vị, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (khoản 3 Điều 24); khuyến khích việc cung cấp thông tin qua mạng Internet (khoản 4 Điều 24).

- *Về trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu:* Luật quy định các nội dung mang tính nguyên tắc, cơ bản về trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo

yêu cầu (không quy định chi tiết, cụ thể theo từng hình thức yêu cầu cung cấp thông tin như Luật năm 2016). Trong đó, Luật quy định rõ cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu, hướng dẫn người dân thực hiện đúng thủ tục, hỗ trợ người gặp khó khăn trong tiếp cận thông tin; thực hiện cung cấp thông tin hoặc từ chối cung cấp thông tin bằng văn bản (nêu rõ lý do từ chối theo Điều 27 của Luật). Về thời hạn giải quyết, Luật quy định tùy từng trường hợp cụ thể, thời hạn cung cấp thông tin chậm nhất là **12** ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ; trường hợp gia hạn thì tối đa không quá **12** ngày và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.

Đồng thời, Luật giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu. Theo đó, các nội dung cụ thể như các mẫu văn bản sử dụng trong cung cấp thông tin theo yêu cầu, trình tự, thủ tục, thời hạn cung cấp thông tin sẽ được quy định cụ thể tại Nghị định của Chính phủ. Việc sửa đổi, bổ sung theo hướng trên vừa bảo đảm Luật quy định các nguyên tắc cơ bản, tạo cơ sở pháp lý để Chính phủ quy định chi tiết, vừa bảo đảm đúng tinh thần đổi mới kỹ thuật lập pháp, phân định rõ thẩm quyền giữa Quốc hội và Chính phủ.

- *Về chi phí tiếp cận thông tin*, Luật quy định công dân được cung cấp thông tin không phải trả phí, lệ phí, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định khác. Người yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin. Tuy nhiên, Luật cũng quy định 02 trường hợp không phải trả chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin, bao gồm: trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai hoặc thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được (điểm a và điểm c khoản 1 Điều 23). Đồng thời, Luật tiếp tục giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 25.

- *Về từ chối yêu cầu cung cấp thông tin*: Luật cơ bản kế thừa quy định về 06 trường hợp từ chối yêu cầu cung cấp thông tin, bao gồm: (i) Thông tin quy định tại Điều 15 của Luật này; thông tin không đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 16 của Luật này; (ii) Thông tin được công khai theo quy định tại Điều 17 của Luật

này, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật này; (iii) Thông tin được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp; (iv) Thông tin đã được cung cấp hai lần cho chính người yêu cầu, trừ trường hợp người yêu cầu có lý do chính đáng; (v) Thông tin được yêu cầu vượt quá khả năng đáp ứng hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị; (vi) Người yêu cầu cung cấp thông tin không thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin theo quy định tại Điều 25 của Luật này.

- *Về xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác, không đầy đủ:* Luật sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác, không đầy đủ, bảo đảm bao quát các trường hợp có thể xảy ra trên thực tế, tăng cường trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong kịp thời xử lý để cung cấp lại thông tin chính xác, cung cấp bổ sung thông tin thiếu.

8. Về điều khoản thi hành

- Luật tiếp tục kế thừa quy định về điều khoản áp dụng của Luật năm 2016. Theo đó, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam được yêu cầu cung cấp thông tin liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của mình (việc cung cấp thông tin đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam được áp dụng theo quy định tại Mục 3 Chương III của Luật này). Công dân có thể yêu cầu cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp của mình trong trường hợp nhiều người của tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp đó cùng có yêu cầu cung cấp thông tin giống nhau (Luật giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này).

- *Về hiệu lực thi hành*, Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2026. Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 hết hiệu lực từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

- *Về điều khoản chuyển tiếp:* Luật quy định *các trường hợp chuyển tiếp* nhằm bảo đảm tính liên tục, ổn định và tránh khoảng trống pháp lý khi Luật có hiệu lực thi hành, cụ thể là: (1) Việc cung cấp thông tin do cơ quan, đơn vị tạo ra hoặc nắm giữ trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy do cơ quan, đơn vị tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị đó thực hiện theo quy định của Luật này; (2) Việc cung cấp thông tin do đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ

cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu tạo ra hoặc nắm giữ trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; (3) Thông tin tại khoản 1 Điều 17 của Luật này do cơ quan nhà nước tạo ra hoặc nắm giữ trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 và pháp luật có liên quan quy định phải công khai thì trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải công khai thông tin theo quy định của Luật này; (4) Yêu cầu cung cấp thông tin được gửi đến các cơ quan nhà nước trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được giải quyết thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13.
